TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16-01-2026
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Kim Hưng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Viết Ngoan**.

2. Bà **Võ Thị Ánh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hằng** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ *tham gia phiên toà:* Bà **Lê Thị Kim Xa** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 380/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 433/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Khu vực TT B, phường TN, thành phố C. – Xin vắng mặt

- *Bị đơn:* Ông **Phan Văn D**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khu vực PL 1, phường TN, thành phố C. - Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Văn D tiến đến hôn nhân vào năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TN, quận TN, thành phố C (cũ) theo số đăng ký 110 ngày 10/8/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn do ông D nghiện rượu, không lo cho gia đình, dù bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông D không khắc phục được, do không còn hòa hợp nên vợ chồng thường

xảy ra cự cãi làm hạnh phúc gia đình đỗ vỡ, không thể hàn gắn được và vợ chồng ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Nay bà không còn tình cảm với ông D và nhận thấy tình trạng hôn nhân không thể tiếp tục kèo dài nên bà yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Phan Văn K (giới tính: nam), sinh ngày 06/7/2007 và Phan Văn Minh Đ (giới tính: nam), sinh ngày 19/7/2016. Từ khi vợ chồng ly thân, con chung Phan Văn Minh Đ do bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay, vì vậy khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con, bà không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Phan Văn K đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung bà xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà yêu cầu được xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống Đ Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập ông Phan Văn D tham gia tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông D đều vắng mặt và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Về hôn nhân chấp nhận cho bà Trần Thị T được ly hôn với ông Phan Văn D. Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Phan Văn K (giới tính: nam), sinh ngày 06/7/2007 và Phan Văn Minh Đ (giới tính: nam), sinh ngày 19/7/2016; Giao con chung Phan Văn Minh Đ cho bà Linh tiếp tục nuôi dưỡng, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con; Đối với con chung Phan Văn K đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung - Không giải quyết trong cùng vụ án, khi đương sự có yêu cầu sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn bà Trần Thị T yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Phan Văn D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] *Về hôn nhân:* Xét bà Trần Thị T và ông Phan Văn D tiến tới hôn nhân vào năm 2006, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn, bà T cho rằng ông D nghiện rượu dù bà đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông không khắc phục được, từ đó vợ chồng không còn hòa hợp, thường xảy ra cự cãi, tình

trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng không khắc phục được, bà không còn tình cảm với ông D và không thể tiếp tục chung sống với ông nên bà cương quyết yêu cầu ly hôn, riêng ông D dù đã được Tòa án thông báo về việc yêu cầu ly hôn của bà T nhưng ông không có ý kiến. Từ đó, cho thấy mong muốn ly hôn của bà T là có nhưng ông D không có ý kiến và không có biện pháp gì hàn gắn gia đình. Xét vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng nay bà T xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với ông D, ông D lại không đưa ra biện pháp hàn gắn gia đình cho thấy hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà Trần Thị T được ly hôn với ông Phan Văn D.

[3] *Về con chung*: Ông bà có hai con chung tên Phan Văn K (giới tính: nam), sinh ngày 06/7/2007 và Phan Văn Minh Đ (giới tính: nam), sinh ngày 19/7/2016. Khi ly hôn bà T yêu cầu tiếp tục nuôi con Phan Văn Minh Đ, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con; về phía ông D từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay ông không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án cũng như không có bất cứ văn bản ghi ý kiến nào về các yêu cầu của nguyên đơn. Xét hiện con chung do bà T nuôi dưỡng, con có nguyện vọng sống chung với bà T và qua xác minh ở địa phương không tiếp nhận vụ việc về bạo lực gia đình có liên quan. Do vậy, nếu thay đổi người nuôi con có thể ảnh hưởng đến tâm lý của con nên Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi con là phù hợp. Ngoài ra, xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên người được quyền yêu cầu cấp dưỡng không có yêu cầu ông D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định nên Hội đồng xét xử không buộc ông D phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Đối với con chung Phan Văn K đương sự xác định con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không có yêu cầu, vì vậy Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Không giải quyết trong cùng vụ án, khi đương sự có yêu cầu sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Xét đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 39, 147, 238, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

*** <u>Tuyên án</u>**:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị T và ông Phan Văn D.

2. Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Phan Văn K (giới tính: nam), sinh ngày 06/7/2007 và Phan Văn Minh Đ (giới tính: nam), sinh ngày 19/7/2016. Giao con chung Phan Văn Minh Đ cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho ông D không ai được quyền cản trở. Ông D, bà T có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con vì lợi ích của con. Đối với con chung Phan Văn K đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết trong cùng vụ án, khi đương sự có yêu cầu sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

- Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu tiền án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, thành phố Cần Thơ theo biên lai thu tiền số 0006329 ngày 17/10/2025 được chuyển thành án phí.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống Đ hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4 – Cần Thơ;
- UBND phường Trung Nhứt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Kim Hưng